

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Nguyễn Long Giang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định đình hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1973; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Văn C, sinh năm 1970; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2021, Biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Y trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Y và anh C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Dương vào ngày 15 tháng 05 năm 2002. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị Y và anh C sống hạnh phúc được mấy tháng đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C

gia trưởng, khó tính nên giữa chị Y và anh C không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Do đó, khi mỗi lần hai vợ chồng nói chuyện với nhau được vài phút thì hai bên bắt đầu cự cãi; nếu như chị Y lớn tiếng lại, cãi lại không làm theo ý kiến của anh C thì anh đánh chị Y. Đầu năm 2021, anh C đánh chị Y nên chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ của chị Y tại khu phố S, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Khi đó, anh C có qua nhận lời khuyên nhủ nói chị Y về nhà lại thì chị Y cũng đã bỏ qua về sống cùng anh C nhưng anh C vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi. Anh C vẫn tiếp tục đánh nên chị Y đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm cho con. Hiện nay, Chị Y không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu được ly hôn anh C.

Về nuôi con chung: chị Y và anh C có 03 con chung tên Phạm Thị D, sinh năm 1991; Phạm Thị Đ, sinh năm 1992 và Phạm Văn E, sinh năm 1997. Hiện nay con chung đã thành niên nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Y không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Trần Thị Ngọc Y khởi kiện anh Phạm Văn C về việc tranh chấp về ly hôn; anh Phạm Văn C có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Y vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y. Tòa án triệu tập hợp lệ anh C lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Y và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, quyền số 01/2022 ngày 15 tháng 5 năm 2002; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh C gia trưởng, khó tính nên giữa chị Y và anh C không có tiếng nói chung. Chị Y và anh C đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, chị Y và anh C là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị Y và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, quyết định cho chị Y và anh C ly hôn.

[3.2] Về con chung: chị Y và anh C có 03 con chung tên Phạm Thị D, sinh năm 1991; Phạm Thị Đ, sinh năm 1992 và Phạm Văn E, sinh năm 1997. Hiện nay con chung đã thành niên nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Y không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: nguyên đơn chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Y với bị đơn anh Phạm Văn C về việc tranh chấp về ly hôn.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc Y với anh Phạm Văn C.

Về nuôi con chung: các con chung đã thành niên nên chị Trần Thị Ngọc Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Ngọc Y không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008810 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2002 cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002);
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**

